TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21 / 2024 /DS-ST

Ngày: 10 - 7 - 2024

Về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Trần Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

- *Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Trịnh Ngọc Thuỳ trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2024 về việc tranh chấp *" Hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ C(số nhà A T), phường H, quận H, TP .. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận N, TP . . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2023 bà C có nhiều lần cho bà N mượn tiền làm vốn làm ăn, có lãi suất thoả thuận không vượt quá qui định. Cụ thể số tiền cho mượn gồm: Ngày 10/3/2019 cho mượn 130.000.000đ; ngày 01/6/2020 mượn 210.000.000đ; Ngày 30/4/2021 mượn 124.500.000đồng; ngày 01/4/2022 mượn 26.000.000đồng; ngày 14/01/2023 mượn 26.000.000đồng. Tổng cộng nợ 516.500.000đồng. Việc các lần nợ

trên bà N đầu viết giấy cho bà. Nay tôi đề nghị bà N hoàn trả cho bà số tiền cụ thể các khoản:

- Khoản 1: Giấy mượn tiền vào ngày 10/3/2019, nợ gốc:130.000.000đồng. Lãi suất:1%/ tháng. Lãi tính từ 10/3/2019 đến 01/10/2023 âm lịch (45 tháng): 130.000.000 đồng x 1% x 45 tháng = 58.500.000đồng.

- Khoản 2: Giấy mượn tiền vào ngày 01/6/2020, nợ gốc: 210.000.000đồng.Lãi suất: 1%/ tháng. lãi tính từ 10/3/2019 đến 01/10/2023 âm lịch (39 tháng): 210.000.000 đồng x 1% x 39 tháng = 81.900.000đồng.

- Khoản 3: Giấy mượn tiền vào ngày 30/4/2021, nợ gốc: 124.500.000đồng.Lãi suất: 1%/ tháng. lãi tính từ 30/4/2021 đến 01/10/2023 âm lịch (29 tháng): 124.500.000 đồng x 1% x 29 tháng = 36.105.000đồng

- Khoản 4: Giấy mượn tiền vào ngày 01/4/2022, nợ gốc: 26.000.000đồng. Lãi suất: 1%/ tháng. lãi tính từ 01/4/2022 đến 01/10/2023 âm lịch (18 tháng): 26.000.000 đồng x 1% x 18 tháng = 4.680.000đồng.

- Khoản 5: Giấy mượn tiền vào ngày 14/01/2023, nợ gốc: 26.000.000đồng, không tính lãi.

Tổng là 696.500.000đồng(trong đó gốc 516.500.000đồng, lãi 180.000.000đồng) trả một lần dứt điểm khoản nợ trên.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt nhưng thể hiện hồ sơ bà trình bày:

Giữa bà và bà C có mối quan hệ là bạn bè, Vào khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023 bà có nhiều lần mượn tiền bà Nguyễn Thị C, với tổng số lần mượn là 05 lần. thời gian cụ thể ngày giờ mượn bà không nhớ và chỉ nhớ mỗi lần mượn đều viết giấy và ký nhận nợ cho bà C. Khi mượn có tính lãi như đã viết tại các giấy mượn, Tổng cộng số tiền mượn là gốc 516.500.000đồng như bà C khai là đúng. Do bà ốm đau và kinh tế gia đình khó khăn, chồng không có việc làm, con đi học nên không trả được nợ. Nay bà C kiện bà tổng số tiền 696.500.000đồng, trong đó gốc 516.500.000đồng và lãi 180.000.000đồng, bà chấp nhận, tuy nhiên xin trả gốc trước và xin bà C bớt cho một phần tiền lãi. Bà xin được trả dần hàng tháng mỗi tháng khoảng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Bà xác nhận các giấy viết nợ mà bà C dùng khởi kiện là đúng chữ viết và chữ ký của bà.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này theo các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS thì thấy nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Điều 463, Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị C đối với bà Nguyễn Thị Kim N

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 696.500.000đ (trong đó gốc 516. 500.000đ và lãi 180.000.000đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn có đơn xin được vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Từ năm 2019 đến năm2023 bà C nhiều lần cho bà N vay tiền làm vốn làm ăn, có lãi suất thoả thuận không vượt quá qui định. Cụ thể số tiền cho mượn gồm:

- Khoản 1: Giấy mượn tiền vào ngày 10/3/2019, nợ gốc:130.000.000đồng. Lãi suất:1%/ tháng. Lãi tính từ 10/3/2019 đến 01/10/2023 âm lịch (45 tháng): 130.000.000 đồng x 1% x 45 tháng = 58.500.000đồng.

- Khoản 2: Giấy mượn tiền vào ngày 01/6/2020, nợ gốc: 210.000.000đồng.Lãi suất: 1%/ tháng. lãi tính từ 10/3/2019 đến 01/10/2023 âm lịch (39 tháng): 210.000.000 đồng x 1% x 39 tháng = 81.900.000đồng.

- Khoản 3: Giấy mượn tiền vào ngày 30/4/2021, nợ gốc: 124.500.000đồng.Lãi suất: 1%/ tháng. lãi tính từ 30/4/2021 đến 01/10/2023 âm lịch (29 tháng): 124.500.000 đồng x 1% x 29 tháng = 36.105.000đồng

- Khoản 4: Giấy mượn tiền vào ngày 01/4/2022, nợ gốc: 26.000.000đồng. Lãi suất: 1%/ tháng. lãi tính từ 01/4/2022 đến 01/10/2023 âm lịch (18 tháng): 26.000.000 đồng x 1% x 18 tháng = 4.680.000đồng.

- Khoản 5: Giấy mượn tiền vào ngày 14/01/2023, nợ gốc: 26.000.000đồng, không tính lãi. Tổng là 696.500.000đồng (trong đó gốc 516.500.000đồng, lãi 180.000.000đồng) trả một lần dứt điểm khoản nợ trên.

Nay bà N đề nghị bà C hoàn trả số tiền là 696.500.000đồng(trong đó gốc 516.500.000đồng, lãi 180.000.000đồng). Trả một lần dứt điểm khoản nợ trên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Từ ngày 10/3/2019 đến ngày 14/01/2023 giữa bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Kim N có xác lập quan hệ mượn tiền nhiều lần cụ thể gồm: Ngày 10/3/2019 cho mượn 130.000.000đồng; ngày 01/6/2020 mượn 210.000.000đồng; Ngày 30/4/2021 mượn 124.500.000đồng; ngày 01/4/2022 mượn 26.000.000đồng; ngày 14/01/2023 mượn 26.000.000đồng. Việc giao dịch mượn tiền này là có thật, bởi được chính các bên thừa nhận. Đồng thời bà C xác nhận đúng chữ ký và viết tại các hợp đồng vay là đúng của bà, do vậy các giao dịch mượn tiền nêu trên là phù hợp và có hiệu lực về pháp luật.

Xét thấy, các giấy mượn tiền giữa bà C và bà N là hợp đồng vay không kỳ hạn theo qui định Điều 469 Bộ luật dân sự. Tuy không có thoả thuận về kỳ hạn nhưng bà C đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N đều không thực hiện là vi phạm khi bà C có yêu cầu. Quá trình toà án hoà giải bà N có ý kiến xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ, ý kiến này của bà N không được bà C chấp nhận. Do vậy thấy không còn lý do gì để kéo dài thời gian trả nợ lâu hơn được nữa, nên cần chấp nhận yêu cầu của C, buộc bà N hoàn trả số tiền gốc 516.500.000đồng là có cơ sở được chấp nhận.

Đối với yêu cầu bà C đề nghị buộc bà N trả tiền lãi 180.000.000đồng thấy khi mượn các bên thoả thuận lãi 1%/ tháng(12%/năm) yêu cầu này không vượt quá qui định của pháp luật, phù hợp về lãi suất theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy tổng số tiền lãi 180.000.000đồng được chấp nhận. Cần buộc bà N hoàn trả cho bà C tổng số tiền nợ là 696.500.000đồng (trong đó gốc: 516.500.000đồng lãi 180.000.000đồng) là có cơ sở.

Án phí dân sự bà N phải chịu 31.860.000 đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.930.000đ đồng, tại cơ quan Thi hành án quận N, theo biên lai thu số 0001742 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Điều 463, Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Nguyễn Thị C đối với bà Nguyễn Thị Kim N.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 696.500.000đồng (trong đó gốc: 516.500.000đồng lãi 180.000.000đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự bà N phải chịu 31.860.000 đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.930.000đ đồng, tại cơ quan Thi hành án quận N, theo biên lai thu số 0001742 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm ,nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

đã ký

Lương Thị Anh